TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 06 - 6 - 2023.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trịnh Ngọc Thành.**
2. Bà **Trần Thị Yến Nhi.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lại Thị Hiền –** Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P – sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Ấp 3, xã PH, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm: 1973.
Địa chỉ: Ấp 1, xã PĐ, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
(chị P có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 và được Ủy ban nhân dân xã PĐ cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/12/2007. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Do đó trong cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ năm 2018 đến nay, chị

và anh T sống ly thân nhau. Trong quá trình ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau và bàn bạc việc đoàn tụ. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung:

- Nguyễn Huy C – sinh ngày: 30/6/2008.
- Nguyễn Phát Đ – sinh ngày: 30/6/2018.

Từ khi chị và anh T ly thân nhau đến nay, các con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Căn cước công dân của chị P (bản sao); Căn cước công dân của anh T (photo); Xác nhận thông tin về cư trú của chị P (bản chính); Trích lục khai sinh của con chung (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản tự khai ngày 14/02/2023 của chị P (bản chính). *Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau*: Biên bản thể hiện nguyện vọng của con chung; Biên bản xác minh tại địa phương. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị P và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Nguyễn Huy C – sinh ngày: 30/6/2008 và Nguyễn Phát Đ – sinh ngày: 30/6/2018 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị P kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh T nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T. Anh T đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Chị P và anh T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ vào ngày 24/12/2007. Nay chị P yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2007. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị P yêu cầu ly hôn với lý do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải nhưng anh T không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh T không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau.

Xét thấy hôn nhân của chị P và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P là cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3.2]. Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung là:

- Nguyễn Huy C – sinh ngày: 30/6/2008.
- Nguyễn Phát Đ – sinh ngày: 30/6/2018.

Chị P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, bản thân chị P có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi chị P và anh T sống ly thân đến nay, các con chung sống cùng chị P và được chị P chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt. Hơn nữa, cháu C có nguyện vọng sống cùng với chị P. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của các con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh T nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P. Cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung là:
- Nguyễn Huy C – sinh ngày: 30/6/2008.
- Nguyễn Phát Đ – sinh ngày: 30/6/2018.

Giao cả 02 con chung cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003129 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị P và anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân xã PĐ: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 95, cấp ngày 24/12/2007);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Lợi